



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 179 /TTr-UBND

Cà Mau, ngày 21 tháng 11 năm 2019

HỎA TỐC

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về kế hoạch đầu tư công năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Thực hiện Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về kế hoạch đầu tư công năm 2020 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về kế hoạch đầu tư công năm 2020 làm căn cứ chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, công trình thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2020 của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Đề ra mục tiêu, định hướng, nguyên tắc, thứ tự ưu tiên và các giải pháp về kế hoạch đầu tư công năm 2020 để các cấp, các ngành, đơn vị có liên quan trong tỉnh triển khai thực hiện.

2. Quan điểm

Bám sát các quy định pháp luật có liên quan đến đầu tư công để thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2020 của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết, sau đó gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị; kết quả có 21/31 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến. Về cơ bản các đơn vị đã thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời có một số ý kiến đóng góp liên quan đến bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án và điều chỉnh thông tin liên quan đến dự án như địa điểm đầu tư, quy mô xây dựng, thời gian khởi công - hoàn thành, tổng mức đầu tư. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về kế hoạch đầu tư công năm 2020 có 04 Điều.

2. Nội dung cơ bản:

2.1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công năm 2020

a) Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Cà Mau.

b) Định hướng:

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.
- Hỗ trợ vốn đầu tư có mục tiêu cho các huyện, thành phố để thực hiện các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2.2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020:

a) Góp phần thực hiện mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016-2020 của tỉnh Cà Mau; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

b) Đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công;

c) Bố trí vốn đầu tư tập trung, có các giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.3. Phân bổ vốn đầu tư công năm 2020 theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước ngân sách, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;

b) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ngoài nước (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

c) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

d) Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

2.4. Tổng vốn đầu tư công năm 2020: 3.856.473 triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương: 2.197.097 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách trung ương: 1.659.376 triệu đồng.

2.5. Dự kiến phân bổ vốn đầu tư công năm 2020 như sau:

Căn cứ các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên và tổng vốn đầu tư công năm 2020 nêu trên; dự kiến phân bổ như sau:

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương: 2.197.097 triệu đồng, trong đó:

- Chi bổ sung vốn điều lệ Quỹ Đầu tư phát triển: 23.893 triệu đồng;
- Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu sử dụng đất: 168.077 triệu đồng;
- Chi đầu tư từ nguồn vay lại ngân sách địa phương: 21.000 triệu đồng (*Phụ lục I*);
- Vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý (không bao gồm đã hỗ trợ cho các huyện, thành phố 17.500 triệu đồng): 684.597 triệu đồng;

Trong danh mục dự án được bố trí sử dụng vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất bố trí tăng thêm kế hoạch vốn cho 02 dự án so với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã giao; cụ thể:

+ Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa – Rạch Ráng – Sông Đốc) có tổng mức đầu tư 1.521.792 triệu đồng. Đây là dự án đầu tư theo hình thức xây dựng – chuyển giao (BT), ngoài kế hoạch vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và giao cho Nhà đầu tư bằng dự án khác, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh đã giao 160.000 triệu đồng, đến năm 2019 đã bố trí đủ theo kế hoạch. Đến nay dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và giai đoạn 3 (giai đoạn 2 chưa nghiệm thu), sau khi đã thanh toán từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách tập trung của tỉnh nêu trên, phần giá trị khối lượng đã thực hiện chưa thanh toán cho Nhà đầu tư thuộc phần ngân sách tỉnh bố trí đến thời điểm hiện nay là 211.000 triệu đồng; qua cân đối khả năng bố trí từ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất bổ sung thêm 211.000 triệu đồng cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 của tỉnh và bố trí từ nguồn vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020 là 211.000 triệu đồng.

+ Dự án đầu tư xây dựng Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau có tổng mức đầu tư 93.265 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương hỗ trợ là 53.748 triệu đồng, còn lại 39.517 triệu đồng do ngân sách tỉnh bố trí thực hiện. Do khả năng ngân sách tỉnh khó khăn nên kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh chỉ mới bố trí đối ứng 2.000 triệu đồng. Hiện nay, dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, nên để đáp ứng nhu cầu vốn thanh toán cho dự án, ngoài kế hoạch vốn ngân sách trung ương bố trí, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung thêm 8.000 triệu đồng cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 của tỉnh và bố trí từ nguồn vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020 là 8.000 triệu đồng.

(*Kèm theo Phụ lục II*).

- Vốn xố số kiến thiết do tỉnh quản lý (không bao gồm đã hỗ trợ cho các huyện, thành phố 249.515 triệu đồng): 900.485 triệu đồng.

Theo quy định tại Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020: “Đối với nguồn thu xố số kiến thiết: các địa phương dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối NSDP, sử dụng toàn bộ cho chi ĐTPT, trong đó: Các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long bố trí tối thiểu 50% số thu dự toán từ hoạt động xố số kiến thiết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề và lĩnh vực y tế. Các địa phương bố trí tối thiểu 10% dự toán thu từ hoạt động xố số kiến thiết để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Sau khi bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP”.

Căn cứ quy định nêu trên, dự kiến bố trí kế hoạch vốn xố số kiến thiết năm 2020 cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế và xây dựng nông thôn mới như sau:

+ Giáo dục - đào tạo và y tế: 604.708 triệu đồng (bao gồm cả hỗ trợ các huyện, thành phố 158.508 triệu đồng), đạt tỷ lệ 52,6% tổng kế hoạch vốn xố số kiến thiết năm 2020 (1.150.000 triệu đồng), cao hơn tỷ lệ quy định là tối thiểu 50%.

+ Xây dựng nông thôn mới: 218.707 triệu đồng (bao gồm cả hỗ trợ các huyện, thành phố 89.807 triệu đồng), đạt tỷ lệ 19%, cao hơn tỷ lệ quy định là tối thiểu 10%.

Theo quy định, sau khi bố trí vốn đáp ứng tỷ lệ tối thiểu theo quy định đối với các lĩnh vực nêu trên (giáo dục và đào tạo và y tế và xây dựng nông thôn mới) địa phương được bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã dự kiến bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực Phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu (163.761 triệu đồng) và các lĩnh vực khác; số kế hoạch vốn còn lại 65.000 triệu đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất bố trí vốn để triển khai 04 dự án quan trọng của tỉnh (chi tiết tại Mục G Phụ lục II), trong đó có 02 dự án chuyển tiếp được bố trí vốn từ nguồn vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý (Cầu qua sông Tắc Thủ, phường 1, thành phố Cà Mau; Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau) nhưng do khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách tập trung năm 2020 khó khăn nên đề xuất bố trí từ kế hoạch vốn xố số kiến thiết năm 2020 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; 02 dự án còn lại là Dự án đầu tư xây dựng cầu Cây Dương, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi và Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiền (nối dài), huyện Phú Tân.

(Kèm theo Phụ lục III).

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và cân đối ngân sách huyện, thành phố: 399.045 triệu đồng; cụ thể như sau:

+ Vốn cân đối ngân sách huyện, thành phố: 132.030 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố: 267.015 triệu đồng (trong đó hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách tập trung là 17.500 triệu đồng và hỗ trợ từ nguồn vốn xổ số kiến thiết là 249.515 triệu đồng).

(Kèm theo Phụ lục IV).

b) Vốn ngân sách trung ương: 1.659.376 triệu đồng.

- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 275.929 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 207.471 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 68.458 triệu đồng);

Trong đó:

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 224.010 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 174.610 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 49.400 triệu đồng).

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 51.919 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 32.861 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 19.058 triệu đồng).

Theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020: *“Trung ương hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể”*.

Thực tế trong các năm qua, các Bộ ngành Trung ương giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn sử dụng vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia sau thời gian kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm (cụ thể như kế hoạch năm 2019, đến ngày 31/12/2018 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT giao chi tiết dự toán chi ngân sách trung ương thực hiện các chương trình MTQG năm 2019; ngày 24/12/2018 Bộ Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 10028/BNN-VPDP hướng dẫn triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019; ngày 09/01/2019 Ủy ban Dân tộc có Công văn số 29/UBDT-VP135 hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 năm 2019) nên sau khi có văn bản giao kế hoạch vốn và hướng dẫn phân bổ vốn của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh mới có căn cứ để dự kiến đề xuất phân bổ chi tiết cho từng danh mục công trình cụ thể và trình Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp giữa năm (hoặc kỳ họp bất thường khoảng tháng 4 hàng năm) dẫn đến làm chậm tiến độ giao kế hoạch vốn và triển khai thực hiện các công trình sử dụng vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia. Do đó, để tạo sự chủ động và đẩy nhanh tiến độ giao kế hoạch vốn cũng như triển khai thực hiện các công trình sử dụng vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân khai chi tiết vốn cho từng danh mục công trình trong phạm vi tổng mức vốn được Trung ương giao, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Vốn các Chương trình mục tiêu: 805.847 triệu đồng;

- Vốn nước ngoài (ODA): 418.900 triệu đồng (trong đó Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh 200.780 triệu đồng).

- Vốn bố trí từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia: 158.700 triệu đồng.

Các nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ năm 2020 nêu trên sẽ thực hiện theo danh mục, mức vốn tại các Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.6. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020:

a) Đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 ngay từ đầu năm và thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân đã được chỉ đạo đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019; báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ theo quy định, qua đó kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc với cấp có thẩm quyền để tháo gỡ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án;

b) Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư công, đảm bảo công khai, minh bạch trong việc quản lý, sử dụng vốn;

c) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư công.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, Tư pháp (VIC);
- Phòng: QH XD, TH (VIC);
- Lưu: VT, M.A13/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 12 năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và
kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Cà Mau**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Mười Một đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 một số dự án gồm:

1. Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc): 211.000 triệu đồng.

2. Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau: 8.000 triệu đồng.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Cà Mau, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công năm 2020

a) Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Cà Mau.

b) Định hướng

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

- Hỗ trợ vốn đầu tư có mục tiêu cho các huyện, thành phố để thực hiện các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020

a) Góp phần thực hiện mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016-2020 của tỉnh Cà Mau; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

b) Đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công;

c) Bố trí vốn đầu tư tập trung, có các giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Phân bổ vốn đầu tư công năm 2020 theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước ngân sách, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;

b) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ngoài nước (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

c) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

d) Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

4. Tổng vốn đầu tư công năm 2020: 3.856.473 triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương: 2.197.097 triệu đồng, trong đó:

- Chi bổ sung vốn điều lệ Quỹ Đầu tư phát triển: 23.893 triệu đồng;

- Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu sử dụng đất: 168.077 triệu đồng;

- Chi đầu tư từ nguồn vay lại ngân sách địa phương: 21.000 triệu đồng (*Phụ lục I*);

- Vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý (không bao gồm đã hỗ trợ cho các huyện, thành phố 17.500 triệu đồng): 684.597 triệu đồng (*Phụ lục II*);

- Vốn xổ số kiến thiết quản lý (không bao gồm đã hỗ trợ cho các huyện, thành phố 249.515 triệu đồng): 900.485 triệu đồng (*Phụ lục III*).

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và cân đối ngân sách huyện, thành phố: 399.045 triệu đồng (*Phụ lục IV*);

b) Vốn ngân sách trung ương: 1.659.376 triệu đồng

- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 275.929 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 207.471 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 68.458 triệu đồng);

Trong đó:

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 224.010 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 174.610 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 49.400 triệu đồng).

+ Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 51.919 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 32.861 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 19.058 triệu đồng).

Đối với kế hoạch vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững), sau khi được Trung ương giao kế hoạch vốn năm 2020 và có văn bản hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân khai chi tiết vốn cho từng danh mục công trình và chủ đầu tư trong phạm vi tổng mức vốn được giao và đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Vốn các Chương trình mục tiêu: 805.847 triệu đồng;

- Vốn nước ngoài (ODA): 418.900 triệu đồng (trong đó Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh 200.780 triệu đồng).

- Vốn bố trí từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia: 158.700 triệu đồng.

5. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020

a) Đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 ngay từ đầu năm và có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ theo quy định, qua đó kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc với cấp có thẩm quyền để tháo gỡ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án;

b) Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư công, đảm bảo công khai, minh bạch trong việc quản lý, sử dụng vốn;

c) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư công.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày.....tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Kế hoạch đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương năm 2020	Chủ đầu tư
	TỔNG SỐ		21.000	
1	Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	21.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH THỰC TRƯNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

YT	Nội dung dự án	Khóa	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư				Lý do vốn bổ trợ từ khoản công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NS/NT/NTSD do tỉnh quản lý trong hạn giải ngân 2016 - 2020		Nhu cầu vốn NS/TT năm 2020 theo đúng lý của chủ đầu tư				Kế hoạch vốn NS/TT do tỉnh quản lý năm 2020				Ghi chú	Chủ đầu tư																		
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS/TT	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS/TT	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó		Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS/TT	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó		Tổng số (tài cả các nguồn vốn)			Tổng số	Trong đó																
															Thu hỗ các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XLCS					Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS/TT					Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tư nhân các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XLCS	Tổng số (tài cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hỗ các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XLCS									
TỔNG SỐ																																											
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN																																										
1	Dự án chuyển tiếp																																										
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh ha, tỉnh Cà Mau		7078714	B	H. TVT, UM	8.000 ha	Đến năm 2020	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2006; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877			38.580	38.580			18.418	15.844	10.600	10.600			10.600	10.600				Vườn Quốc gia U Minh ha														
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườnươm cây rừng ngập nước tỉnh Cà Mau		7626031	C	H. NC, PT, TVT	Các hạng mục thâm canh và hạ tầng kỹ thuật	2017 - 2019	243/LQĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867				7.867	7.867			2.000	2.000	3.000	3.000			3.000	3.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn														
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khảnh Lãm 2		7578614	B	H. U Minh	403 ha	2016 - 2020	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	7.000				22.000	7.000			20.000	5.000	2.000	2.000			2.000	2.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn														
4	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020		7599744	B	H. UM, TVT và cụm đảo Hòn Khau	Công trình cấp IV	2016 - 2020	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357				36.600	11.600			25.200	5.200	6.400	6.400			6.400	6.400				Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau														
B	GIAO THÔNG																																										
1	Dự án chuyển tiếp																																										
1	Íề thống giao thông khu hình thành huyện Phú Tân		7147972	B	H. Phú Tân	11 tuyến đường	2009 - 2012	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664		73.317	73.317			45.753	45.753	27.564	27.564			15.000	15.000				Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân														
2	Tuyến đường phi lộ Nam sông Ông Đốc nối với Quốc lộ 1A (Rau Đum - Bach Rông - Sông Đốc)		7249003	B	H. Cái Nước, TVT	Cấp IV ĐĐ	2013 - 2017	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	1.521.792	593.000	100.000			481.096	160.000			764.096	371.000	283.000	211.000			283.000	211.000				Sở Giao thông Vận tải														
3	Tuyến đường tỉnh lộ, cấp nội địa biển Tây, phục vụ ANQI ¹ khu vực Hòn Dài Đặc biệt xếp phòng chèo rừng VQG U Minh ha, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thu - Văn Đà Lạc)		7249001	B	H. TVT, UM	Cấp IV ĐĐ	2013 - 2016	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	657.270	113.550	75.900			13.800	3.800			13.800	3.800	1.500	1.500			1.500	1.500				Sở Giao thông vận tải														
4	Tuyến đường vào Khu dân cư Huyện ủy huyện Thới Bình		7653862	C	H. Thới Bình	08 km đường; 05 cầu	2018 - 2020	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000				15.000	15.000			10.000	10.000	3.000	3.000			3.000	3.000				Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình (Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Công văn số 2034/HĐND-XĐ ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh)														
5	Tuyến đường bê tông kênh Kiểm Lâm, thu trên Cầu Dội Vàng, huyện Phú Tân		7685902	C	H. Phú Tân	670 m	2019 - 2021	382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.964	14.964				14.964	14.964			3.200	3.200	9.788	9.788			9.000	9.000				Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân														
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ																																										
1	Dự án chuyển tiếp																																										
1	Dự án đầu tư xây dựng đường đầu vào Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã L. Văn Lâm, thành phố Cà Mau		292	C	TP. Cà Mau	140 m	2016 - 2017	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862				14.862	14.862			2.839	2.839	5.301	5.301			5.300	5.300				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau														
2	Nâng cấp đường trung tâm chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tr. chính đến cầu Đền thờ Đức Ngài)		292	C	H. Cái Nước	507 m	2019 - 2020	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886				10.886	10.886			8.038	8.038	2.849	2.849			2.500	2.500				Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước														
3	Nâng cấp đường 6 m đến trung tâm thị trấn Rạch Giá (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Khảnh Huế), huyện Ngạc Hiện		292	C	H. Ngạc Hiện	1.356 m	2019 - 2020	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310				8.310	8.310			4.000	4.000	3.500	3.500			3.500	3.500				Ủy ban nhân dân huyện Ngạc Hiện														
4	Dự án đường đầu vào từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)		292	C	TP. Cà Mau	99,10 m	2019 - 2021	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558				25.560	25.560			9.381	9.381	13.619	13.619	3.932		13.000	13.000	3.932			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau														
5	Dự án Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau		7007279	B	TP. Cà Mau		2019 - 2023	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015	567.784	99.585	24.146			139.215				10.619	3.754	1.000	1.000			1.000	1.000				Ban Quản lý dự án ứng trình Xây dựng														
H	Dự án khôi công mới năm 2020																																										
1	Bờ kè từ công Rạch Răng đàu Tru và Công an huyện Trần Văn Thời		7635201	C	H. TVT		2019 - 2021	221/QĐ-UBND ngày 25/5/2017	9.152	9.152				9.152	9.152			352	352	8.000	8.000			4.000	4.000				Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời														
D	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP																																										
1	Dự án khôi công mới năm 2020																																										
1	Dự án đầu tư xây dựng một đường dây trung thế 03 pha (tuyến bán phần) Khu công nghiệp Khánh An		309	C	H. U Minh	Đường dây trung thế 03 pha	2019 - 2020	90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590				4.590	4.590			4.590	4.590	4.590	4.590			4.590	4.590	4.590			Ban Quản lý Khu kinh tế														

TT	Danh mục dự án	Khu vực	Số dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Mạng lưới điện kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn từ et từ kinh công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSIT&NTSDD do tỉnh quản lý trong hạn giải ngân 2016 - 2020		Kế hoạch trong hạn chi giải ngân giai đoạn 2016 - 2019		Dự cấp vốn NSTT năm 2020 theo đăng ký của chủ đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT do tỉnh quản lý năm 2020				Ưu tiên	Chủ đầu tư								
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Trong đó		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)			Trong đó							
															Phụ hồ sơ và khoản vay trước	Thẩm định dự án											Thẩm định dự án	Thẩm định dự án					
E KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																																	
I Dự án chuyển tiếp																																	
1	Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020		7579881	C	TP. Cà Mau	Món sắm TTT, đầu tư hạ tầng CNTT	2016 - 2020	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	-	-	19.990	19.990	9.903	9.903	4.903	4.903	-	-	9.903	9.903	4.903	-		Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau			
G KHÔI ĐÁNG, NHÀ NƯỚC																																	
I Dự án chuyển tiếp																																	
1	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	341	7435891	C	H. Trần Văn Thời	Công trình công cộng, cấp I	2014 - 2016	184/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	9.012	9.012	29.178	29.178	-	-	23.681	23.681	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	341	7580170	H	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng, cấp I	2017 - 2019	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227	-	-	389.000	389.000	-	-	222.121	222.121	166.879	166.879	-	-	166.879	166.879	-	-	166.879	166.879	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	341	7605693	C	U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510	-	-	12.510	12.510	-	-	11.259	11.259	1.251	1.251	-	-	1.251	1.251	-	-	1.251	1.251	-		Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
4	Mở rộng Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	341	7655288	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017 150/QĐ-SXD ngày 06/6/2019	6.186	6.186	-	-	2.500	2.500	-	-	2.400	2.400	3.500	3.500	-	-	3.500	3.500	-	-	3.500	3.500	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
5	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	341	7618943	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908	-	-	14.433	14.433	-	-	5.577	5.577	8.856	8.856	-	-	8.856	8.856	-	-	8.856	8.856	-		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	341	7683901	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2021	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930	-	-	14.930	14.930	-	-	4.200	4.200	9.900	9.900	-	-	9.900	9.900	-	-	9.900	9.900	-		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	341	7607698	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616	-	-	7.833	7.833	-	-	4.200	4.200	3.633	3.633	-	-	3.633	3.633	-	-	3.633	3.633	-		Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
8	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	341	7679836	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2018 - 2020	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897	-	-	14.897	14.897	-	-	4.200	4.200	10.697	10.697	-	-	10.697	10.697	-	-	10.697	10.697	-		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
9	Trụ sở hành chính xã Đái Mỏ, huyện Năm Căn	341	7684552	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	474/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920	-	-	14.920	14.920	-	-	5.200	5.200	8.585	8.585	-	-	8.585	8.585	-	-	8.585	8.585	-		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
10	Trụ sở hành chính xã Đĩnh Trì, huyện Cái Nước	341	7659860	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485	-	-	14.485	14.485	-	-	6.612	6.612	7.873	7.873	-	-	7.873	7.873	-	-	7.873	7.873	-		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	341	7682983	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285	-	-	7.285	7.285	-	-	5.200	5.200	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
12	Trụ sở làm việc xã Truyên thành huyện Phú Tân	341	7653756	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2019	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554	-	-	4.554	4.554	-	-	2.200	2.200	2.354	2.354	-	-	2.354	2.354	-	-	2.354	2.354	-		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
13	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau	341	7358582	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	93.266	39.518	7.581	7.581	63.748	10.000	-	-	32.000	2.000	49.200	25.452	-	-	25.452	4.000	-	-	25.452	4.000	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
14	Công trình đầu tư xây dựng 03 Nhà nghỉ loại B Tỉnh ủy	341	7673320	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	-	-	36.415	36.415	-	-	10.149	10.149	14.947	14.947	-	-	14.947	14.947	-	-	14.947	14.947	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
15	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	341	7618682	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	334/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704	-	-	14.704	14.704	-	-	4.150	4.150	10.554	10.554	-	-	10.554	10.554	-	-	10.554	10.554	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
16	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	341	7573814	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127	-	-	57.714	57.714	-	-	5.000	5.000	52.714	52.714	-	-	52.714	52.714	-	-	52.714	52.714	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
II Dự án khởi công mới năm 2020																																	
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phiến, huyện U Minh	341		C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217	-	-	14.217	14.217	-	-	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-		Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu dịch vụ Làng nghề thu hút Công nhân viên chức - du lịch Mũi Cà Mau	341	7558813	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2020 - 2021	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019	13.912	13.912	-	-	13.912	13.912	-	-	-	-	13.912	13.912	4.000	4.000	13.912	13.912	4.000	4.000	13.912	13.912	4.000		Hội đồng Quản lý dự án xây dựng công trình Công trình		
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thiê Trán, huyện Cái Nước	341	7720568	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2019 - 2021	301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701	-	-	13.701	13.701	-	-	570	570	8.000	8.000	-	-	8.000	8.000	-	-	8.000	8.000	-		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
4	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	341		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2020 - 2021	333/QĐ-SXD ngày 23/10/2019	14.758	14.758	-	-	14.758	14.758	-	-	762	762	13.000	13.000	-	-	13.000	13.000	-	-	13.000	13.000	-		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
5	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Quốc gia quyết thủ tục hành chính	341		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2020 - 2021	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252	-	-	7.252	7.252	-	-	-	-	6.000	6.000	-	-	6.000	6.000	-	-	6.000	6.000	-		Hội đồng Quản lý dự án công trình Xây dựng		
H QUỐC PHÒNG - AN NINH																																	
									122.740	102.740	-	-	113.065	93.065	-	-	44.520	44.520	70.335	50.335	-	-	60.000	40.000	-	-	60.000	40.000	-				

KT	Danh mục dự án	Khúc	Mã dự án	Niên độ	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - JIT	Quyết định đầu tư				Lấy số vốn bù đắp lỗ khởi công lần đầu (năm 2015)		Kế hoạch vốn NSTT/TPĐD dự tính quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch chung hạn đã giải ngân giai đoạn 2016 - 2019		Mưu cầu vốn NSTT năm 2020 theo đăng ký của chủ đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT do nhà quản lý năm 2020				Chỉ số	Chỉ tiêu							
								Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó	Trong đó		Tổng số (từ cả các nguồn vốn)			Trong đó	Trong đó					
																					Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ XDCB					Thanh toán nợ trước	Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ trước	Thanh toán nợ XDCB		
								Thủ tục các khoản ứng trước	Pháp lệnh nợ XDCB	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (từ cả các nguồn vốn)	Trong đó	Thanh toán nợ trước	Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ trước	Thanh toán nợ XDCB															
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																															
I	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Thôn trường huấn luyện HCTIQS tỉnh Cà Mau		7004686	C	H. U Minh	24,5 ha	2018 - 2019	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000			26.000	6.000			26.000	6.000			52.000	32.000				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau						
2	Trụ sở làm việc Công an xã tân đình huyện Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020		7004692	C	Tỉnh Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2020	1671/QĐ-UỶND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UỶND ngày 22/5/2019	49.157	49.157			44.241	44.241			33.570	33.570			10.671	10.671			10.000	10.000		Công an tỉnh Cà Mau				
3	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau		7004692	C	Tỉnh Cà Mau	Camera	2017 - 2018	1822/QĐ-UỶND ngày 30/10/2017	29.697	29.697			26.727	26.727			10.000	10.000			16.727	16.727			16.000	16.000		Công an tỉnh Cà Mau				
II	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>																															
I	Dự án đầu tư xây dựng mới 04 công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đả Bào, Hồ Đẻ, Hồ Côi và Khánh Hội		7004686	C	Các huyện: TVT, NH, ĐD, TM	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	1823/QĐ-UỶND ngày 31/10/2018	17.886	17.886			16.097	16.097			950	950			16.937	16.937			8.000	8.000			8.000	8.000		Bộ Chỉ huy Hải đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																													Số Kế hoạch và Điều lệ trình phân khai		
K	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2059																													Số Kế hoạch và Điều lệ trình phân khai		

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, kỳ họp thứ Mười Một)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Khuôn	Mã dự án	Niêm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lý do vốn đã giải ngân từ khi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã thông báo		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2019		Mưu cầu kế hoạch vốn XSKT năm 2020 theo đăng ký của các chủ đầu tư				Kế hoạch vốn XSKT năm 2020			Chủ đầu tư																		
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		KH vốn XSKT	Trong đó:																
															Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB															
TỔNG SỐ																							6.092.998	2.462.610	244.801	75.152	3.659.835	2.244.399	-	-	1.385.991	768.183	1.616.630	986.635	1.028	-	1.519.955	990.485	1.028	-	-	-
A. LĨNH VỰC Y TẾ																							775.315	611.746	55.391	55.391	491.391	491.391	-	-	279.221	269.221	276.473	229.527	-	-	241.946	195.900	-	-	-	-
<i>1. Dự án chuyển tiếp</i>																							590.101	513.232	55.391	55.391	396.915	396.915	-	-	279.221	269.221	184.313	137.367	-	-	165.946	119.800	-	-	-	-
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng		7146174	B	TP. Cà Mau	75 giường	2014 - 2018	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	25.970	25.970	-	-	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng																			
2	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau		7570996	B	TP. Cà Mau	200 giường	2017 - 2020	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	135.956	59.087	-	59.087	59.087	59.087	41.700	31.700	66.946	20.000	-	-	66.946	20.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng																			
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau		7562653	B	TP. Cà Mau	Công trình đầu tư	2016 - 2020	1865/QĐ-UBND ngày 29/10/2016	48.407	48.407	-	48.407	43.566	43.566	33.816	33.816	4.500	4.500	-	-	4.500	4.500	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng																			
4	Nhà Kỹ thuật phẫu thuật nội khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau		7541537	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng + y tế cấp III	2016 - 2018	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907	-	105.907	95.316	95.316	65.697	65.697	29.619	29.619	-	-	29.500	29.500	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng																			
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020		7684305	B	TP. Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2018 - 2020	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198	-	86.198	77.578	77.578	20.300	20.300	57.278	57.278	-	-	40.000	40.000	Bệnh viện đa khoa Cà Mau																			
<i>11. Dự án khởi công mới năm 2020</i>																							185.214	98.514	-	-	94.476	94.476	-	-	-	-	92.160	92.160	-	-	76.600	76.600	-	-	-	-
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau liên vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020		7757509	C	TP. Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2019 - 2020	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863	-	8.863	8.863	8.863	-	-	8.863	8.863	-	-	8.000	8.000	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau																			
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng I giai đoạn 2 (2016-2020)			C	TP. Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2019 - 2021	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219	-	39.219	35.297	35.297	-	-	35.297	35.297	-	-	30.000	30.000	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau																			
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính 128 lát cắt			C	TP. Cà Mau	Máy chụp cắt lớp vi tính 128 lát cắt	2020 - 2021	1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016	-	40.016	40.016	40.016	-	-	40.000	40.000	-	-	30.000	30.000	Bệnh viện đa khoa Cà Mau																			
4	Công trình đầu tư xây dựng mô hình nhà đất máy DSA thành đơn vị chăm sóc tim mạch			C	TP. Cà Mau	332 m ²	2019 - 2020	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116	-	2.116	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000	Bệnh viện đa khoa Cà Mau																			
5	Đầu tư Chương trình đầu tư phát triển năng lực y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển Châu Á)			B	Các huyện, thành phố	23 trạm y tế xã	2019 - 2024	6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	95.000	8.300	-	8.300	8.300	8.300	-	-	6.000	6.000	-	-	6.000	6.000	Sở Y tế																			
B. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																							436.111	436.111	-	-	431.477	431.477	-	-	113.620	113.620	254.795	254.795	-	-	251.200	251.200	-	-	-	-
<i>1. Dự án chuyển tiếp</i>																							172.039	172.039	-	-	169.750	169.750	-	-	113.620	113.620	50.895	50.895	-	-	47.400	47.400	-	-	-	-
1	Trường Trung học cơ sở Đặng Văn Dũ, huyện Ngọc Hiển	073	7746954	C	Huyện Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2019 - 2020	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565	-	12.565	12.565	12.565	9.870	9.870	1.861	1.861	-	-	1.800	1.800	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển																			
2	Trường THCS Tân Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	073	7668335	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2018 - 2020	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970	-	10.970	10.970	10.970	8.000	8.000	2.226	2.226	-	-	2.000	2.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển																			
3	Trường THCS Tân Lợi, xã Hộ Thủ Kỳ, huyện Thới Bình	073	7722036	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2020 - 2021	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2019	14.693	14.693	-	14.693	14.693	14.693	5.000	5.000	7.000	7.000	-	-	7.000	7.000	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình																			
4	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thôn	073	7707937	C	H. Trần Văn Thôn	Công trình dân dụng	2019 - 2020	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864	-	14.864	14.864	14.864	12.000	12.000	2.864	2.864	-	-	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau																			
5	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thôn đạt chuẩn quốc gia	073	7707938	C	H. Trần Văn Thôn	Công trình dân dụng	2019 - 2020	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	22.898	22.898	-	22.898	20.609	20.609	14.000	14.000	6.609	6.609	-	-	6.600	6.600	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau																			
6	Trường THPT Dầm Dơi, huyện Dầm Dơi	073	7718858	C	Huyện Dầm Dơi	Công trình dân dụng	2019 - 2020	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018; 114/QĐ-SXD ngày 10/3/2019	12.377	12.377	-	12.377	12.377	12.377	10.000	10.000	2.377	2.377	-	-	2.000	2.000	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau																			

TT	Danh mục dự án	Khoản	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn để giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 dự thông báo		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2019				Như sau kế hoạch vốn XSKT năm 2020 theo đăng ký của các chủ đầu tư				Kế hoạch vốn XSKT năm 2020				Chủ đầu tư		
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trong đó:						
															Thu hút các khoản vay nước ngoài	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT			Thu hút các khoản vay nước ngoài	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT		Thu hút các khoản vay nước ngoài	Thanh toán nợ XDCB
7	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phú Hằng, huyện Trần Văn Thời	.073	7710188	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2019 - 2020	32/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272			13.272	13.272			11.000	11.000	2.272	2.272			2.000	2.000			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau		
8	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước	.073	7749540	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2019 - 2020	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678			13.678	13.678			10.000	10.000	3.678	3.678			3.000	3.000			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
9	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước	.073	7728614	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2019 - 2020	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999			12.999	12.999			10.000	10.000	2.999	2.999			2.500	2.500			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
10	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	.073	7743388	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2019 - 2020	372/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.959	14.959			14.959	14.959			11.500	11.500	3.460	3.460			3.400	3.400			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
11	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhị, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	.073	7741354	C	Huyện U Minh	Công trình dân dụng	2019 - 2020	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.707	14.707			14.707	14.707			6.125	6.125	8.315	8.315			8.000	8.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
12	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	.073	7741355	C	Huyện U Minh	Công trình dân dụng	2019 - 2020	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.057	14.057			14.057	14.057			6.125	6.125	7.234	7.234			7.000	7.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
II Dự án khởi công mới năm 2020																													
1	Trường TH-THCS Trần Thời, huyện Cái Nước	.073		C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2020 - 2021	341/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	13.765	13.765			13.765	13.765					10.000	10.000			10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
2	Trường TH-THCS Đông Hưng, huyện Cái Nước	.073		C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2020 - 2021	331/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.470	12.470			12.470	12.470					10.000	10.000			10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	.073		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2020 - 2021	348/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	11.980	11.980			11.980	11.980					10.000	10.000			10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	.073		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2020 - 2021	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937			3.937	3.937					3.500	3.500			3.500	3.500					Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	.073		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2020 - 2021	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949			5.949	5.949					5.400	5.400			5.400	5.400					Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường THCS xã Đốt Mũi, huyện Ngọc Hiển	.073		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2020 - 2021	357/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.946	10.946			10.946	10.946					9.500	9.500			9.500	9.500					Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	.073		C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2020 - 2021	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701			14.701	14.701					13.000	13.000			13.000	13.000					Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
8	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thới Bình	.073		C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2020 - 2021	339/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960			14.960	14.960					13.000	13.000			13.000	13.000					Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
9	Trường THCS thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	.073		C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2020 - 2021	338/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970			14.970	14.970					13.000	13.000			13.000	13.000					Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
10	Trường THCS Nguyễn Văn Tô, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	.073		C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	330/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	8.925	8.925			8.925	8.925					4.000	4.000			4.000	4.000					Ủy ban nhân dân huyện U Minh
11	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, xã Khánh Lâm, huyện U Minh	.073		C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	343/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.950	14.950			14.950	14.950					5.000	5.000			5.000	5.000					Ủy ban nhân dân huyện U Minh
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	.073		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2020 - 2021	320/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	9.024	9.024			9.024	9.024					8.500	8.500			8.500	8.500					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
13	Trường THCS Thới Phong, xã Tân An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	.073		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2020 - 2021	318/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065			8.065	8.065					7.000	7.000			7.000	7.000					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
14	Trường THCS Ngọc Chính, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	.073		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2020 - 2021	332/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815			9.815	9.815					9.000	9.000			9.000	9.000					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	.073		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2020 - 2021	337/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875			9.875	9.875					9.000	9.000			9.000	9.000					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
16	Trường THCS Phạm Lạc, huyện Trần Văn Thời	.073		C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2020 - 2021	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997			8.997	8.997					8.000	8.000			8.000	8.000					Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	.073		C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2020 - 2021	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819			7.819	7.819					7.000	7.000			7.000	7.000					Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Văn Khái, huyện Phú Tân	.073		C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2020 - 2021	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878			14.878	14.878					13.000	13.000			13.000	13.000					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân	.073		C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2020 - 2021	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985			11.985	11.985					10.000	10.000			10.000	10.000					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
20	Trường THPT Phạm Ngọc Hiển, huyện Năm Căn	.073		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2020 - 2021	1896/QĐ-LUBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443			21.098	21.098					12.000	12.000			12.000	12.000					Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO

TT	Định mục dự án	Khuôn	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lấy số vốn đã giải ngân từ khoản công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã thông báo		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2019		Nhu cầu kế hoạch vốn XSKT năm 2020 theo đồng kỳ của các chủ đầu tư		Kế hoạch vốn XSKT năm 2020				Chủ đầu tư						
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trong đó:			
															Thu hút các khoản ủng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hút các khoản ủng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hút các khoản ủng trước	Thanh toán nợ XDCB		
21	Trường THPT và Thị trấn, huyện Trấn Yên Thời	.073		C	H. Trấn Yên Thời	Công trình dân dụng	2020 - 2021	325/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976			14.976	14.976			10.000	10.000			10.000	10.000			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO				
22	Trường THPT Nguyễn Phú Hùng, huyện Trấn Yên Thời	.073		C	H. Trấn Yên Thời	Công trình dân dụng	2020 - 2021	326/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	5.015	5.015			5.015	5.015			5.000	5.000			4.500	4.500			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO				
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Đoi	.073		C	H. Đầm Đoi	Công trình dân dụng	2020 - 2021	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627			12.627	12.627			9.000	9.000			9.000	9.000			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO				
C. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI																													
I. Dự án chuyển tiếp									176.374	163.518	21.780	19.761	151.289	138.430			53.354	53.354	59.633	55.944			49.389	45.800					
I. Dự án chuyển tiếp									105.055	105.055	21.780	19.761	79.970	79.970			53.354	53.354	11.744	11.744			11.600	11.600					
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)	7275587		C	TP. Phú Tân	05 ha	2011 - 2015	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216			15.430	15.430	4.786	4.786			4.700	4.700			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tàn tật tỉnh Cà Mau	7618944		C	TP. Cà Mau	18.109 m ²	2019 - 2020	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			16.389	16.389			11.449	11.449	4.940	4.940			4.900	4.900			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Tu bổ, sửa tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Bối Khê Hải Yên - Bình Hưng	7258703		C	H. Phú Tân	Các hạng mục	2013 - 2018	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019		43.365	43.365			26.475	26.475	2.018	2.018			2.000	2.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
II. Dự án khởi công mới năm 2020									71.319	58.460			71.319	58.460					47.889	44.260			37.889	34.200					
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			C	TP. Cà Mau	Xe truyền hình lưu động chuẩn HD	2020 - 2021	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700					10.700	10.700			10.700	10.700			Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau		
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình			C	H. Thới Bình	Tu bổ, chỉnh trang các hạng mục công trình	2020 - 2021	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260					25.000	25.000			15.000	15.000			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Nguyễn Huệ, huyện Năm Căn			C	H. Năm Căn	Cải tạo, nâng cấp mới số hạng mục công trình	2020 - 2021	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500					12.189	8.500			12.189	8.500			Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn		
D. LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI									443.534	391.044	5.802		366.274	357.816			159.518	151.060	152.230	152.230			128.990	128.990					
a) Dự án chuyển tiếp									251.997	201.527	5.802		194.203	185.745			152.219	149.761	39.230	39.230			16.900	16.900					
1	Tuyến đường dẫn đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534		B	H. U Minh	Cấp VI đồng bằng	2016 - 2019	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	73.892	5.802		73.892	73.892			73.892	73.892	8.616	8.616			8.000	8.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
2	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô dẫn trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663		C	H. Năm Căn	Cấp VI đồng bằng	2018 - 2020	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 906/QĐ-UBND ngày 30/3/2019	28.976	28.976			26.078	26.078			21.669	21.669	2.900	2.900			2.900	2.900			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đám Thi Trường, huyện Trấn Yên Thời	7610805		C	H. Trấn Yên Thời	Cấp VI đồng bằng	Đến năm 2019	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832			24.200	24.200	11.771	11.771			11.000	11.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
4	Cầu qua sông Cái Đoi Yên, huyện Phú Tân	7603197		C	H. Phú Tân	471,15 m	2017-2020	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943			38.458	30.000	15.943	15.943			15.000	15.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
b) Dự án khởi công mới năm 2020									189.337	189.337			172.071	172.071			1.799	1.799	113.000	113.000			92.000	92.000					
1	Cầu bắc ngang sông Cái Táo, huyện U Minh	7596751		II	H. U Minh	HL93(chiều dài 210m)	2020 - 2022	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058			412	412	40.000	40.000			30.000	30.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Đoi	7636415		C	H. Đầm Đoi	HL93(chiều dài 75m)	2020 - 2021	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068			429	429	20.000	20.000			20.000	20.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
3	Cầu Cối Nôm và cầu Kênh Đưng, huyện Trấn Yên Thời	7652205		C	H. Trấn Yên Thời	HL93	2020 - 2021	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782			458	458	20.000	20.000			20.000	20.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu Kênh T21 đến giáp đường công Khố Điện Đoàn), huyện U Minh	7734354		C	H. U Minh	Cấp V Đồng bằng	2020-2022	3357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742			22.267	22.267					20.000	20.000			15.000	15.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
5	Cầu Đinh Han trên tuyến đường ô tô dẫn trung tâm xã Tân An, huyện Ngọc Hiển			C	H. Ngọc Hiển	90 m	2020 - 2021	1012/QĐ-SG1VJ ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896					13.000	13.000			7.000	7.000			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
E. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU									3.780.906	379.416	30.000		1.514.426	334.498			641.950	131.941	747.675	168.315	1.028		731.396	163.761	1.028				
a) Dự án chuyển tiếp									168.714	168.714	38.000		130.714	130.714			641.552	131.941	728.973	149.613			715.596	147.761					
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp kho cá Khánh Hòa, huyện U Minh				H. U Minh	Các hạng mục công trình	2016 - 2020	1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	134.163	21.048			54.889	19.354					54.889	19.354			54.889	19.300			Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		

TT	Danh mục dự án	Khoản	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lý do vốn đã giải ngân từ kho công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã thông báo		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2019		Nhu cầu kế hoạch vốn XSKT năm 2020 theo đăng ký của các chủ đầu tư				Kế hoạch vốn XSKT năm 2020		Chức năng		
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trung đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trung đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT		Trung đó:	
															Tư hội các khách hàng trước	Thành toán NP XDCB			Tư hội các khách hàng trước	Thành toán NP XDCB				Tư hội các khách hàng trước	Thành toán NP XDCB
								Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT				
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019		Nhiều công trình	C	Các huyện	Trồng rừng	2019	515/QĐ-UBND ngày 28/3/2019	80.440	6.198		6.198	6.198		6.198	6.198		6.198	6.198				Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng		
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III - Cà Mau		7643016	B	H. PT, TVT, CN, UM	27 công, 09 trạm bơm và 26 ao dài 20,2 km	2017 - 2021	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	24.000		462.000	21.000		12.000	9.000	12.000	12.000					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
4	Dự án tư tưởng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Uyên, huyện Đầm Dơi		7067082	D	H. Đầm Dơi	4.907 ha	2012 - 2019	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013, 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	12.950	12.950					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
5	Dự án xây dựng hệ tưới bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây		7738766	F	Các huyện ven biển	Xây dựng tuyến kè 9.700 m, bơm biển tạo bãi 1.561 m và trồng 75,4 ha rừng	2018 - 2022	1741/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	252.900	12.013		252.900	12.013		132.120				132.107	12.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Dự án trồng rừng phòng hộ ven sông, gây kết tạo bãi trồng rừng các sông, ven biển		7738767	B	Các huyện ven biển	Trồng 316,3 ha rừng, xây dựng 14.510 m tường chắn và 2.600 kè bê tông ly tâm	2018 - 2021	1740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	179.579	18.096		179.579	18.096		175.579	18.096	99.579	18.906		98.673	18.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020		7536233	B	Các huyện		2015 - 2020	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000	51.378	2.000		51.212		2.000	2.000		2.000	2.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chương trình KH tạo tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRL"		7605935	B	Các huyện: NH, NC, ĐD, PT, UM, TVT	Đầu tư CSHT phòng chống xói lở bờ biển	2016 - 2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/9/2016	792.883	90.000		741.645	90.000		7.143	7.143	238.645	12.000		227.120	12.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các công đồng ở vùng ven biển (thường ven biển Việt Nam)" do Quỹ KH hỗ trợ tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc		7662036	B	Các huyện	03 Hợp phần	2017 - 2021	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	929.412	1.200		1.200	1.200		689	689	511	511		511	511				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức			B	H. U Minh	9.917 m	2017 - 2022	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	130.965	18.560		16.284	16.284				9.000	4.000		9.000	4.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dự án đầu tư xây dựng Sở cấp nước tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau		7296707	B	H. Đầm Dơi	2.773 m	2016 - 2020	545/QĐ-UBND ngày 20/3/2016, 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651		64.651	64.651		78.000	30.000	141.083	29.681		140.400	29.000				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
12	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau							Các Quyết định	135.794	65.000		65.000	65.000		45.000	45.000	20.000	20.000		20.000	20.000				
<i>Trung đó:</i>																									
12*	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn		7084308	C	H. Năm Căn	Các hạng mục	Đến năm 2020	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2016	46.985	17.665	19.392	17.665	17.665		12.665	12.665	5.000	5.000		5.000	5.000				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
12*	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư công trình bộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời		7806177	B	H. Trần Văn Thời	Các hạng mục	Đến năm 2020	1340/QĐ-UBND ngày 05/8/2009	72.711	72.711	18.583	27.050	27.050		13.050	12.050	15.000	15.000		15.000	15.000				Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
<i>đ)</i> Dự án khởi công mới năm 2020																									
1	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			C	H. Năm Căn	Giếng khoan, hệ thống bơm giếng	2019 - 2020	244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440		14.440	14.440				14.440	14.440		12.000	12.000				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công trình cấp cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Tru xã Xuân Quốc gia U Minh hạ và lập đất mới tuyển dụng kênh TT9			C	H. TVT	Công trình cấp nước	2019 - 2020	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262		4.262	4.262				4.262	4.262	1.028	4.000	4.000	1.028			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG																									
									480.758	480.758	131.828	283.218	69.027		89.338		75.000	75.000		65.000	65.000				
<i>a)</i> Dự án chuyển tiếp									422.381	422.381	111.828	354.191	40.000		89.338		47.000	47.000		40.000	40.000				
1	Cầu qua sông Cắt Thủ thục đường Vĩnh An 1, thành phố Cà Mau		7440195	B	TP. Cà Mau	1.410 m	2017 - 2021	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013, 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301		172.171	25.000		49.838		25.000	25.000		25.000	25.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Nguyễn Văn Thiệu, thành phố Cà Mau	292	7404890	B	TP. Cà Mau	Công trình giao thông cấp II	2015 - 2020	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828	82.020	15.000		39.500		22.000	22.000		15.000	15.000				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
<i>đ)</i> Dự án khởi công mới năm 2020																									
									58.177	58.177		58.027	29.027				28.000	28.000		28.000	28.000				

TT	Danh mục dự án	Khoản	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã thông bản		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2019		Nhu cầu kế hoạch vốn XSKT năm 2020 theo đồng kỳ với các chủ đầu tư				Kế hoạch vốn XSKT năm 2020				Chủ đầu tư		
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trọng số: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trọng số: vốn XSKT	Tổng số	Trọng số	Trọng số:		Tổng số	Trọng số: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT	Trọng số:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KH vốn XSKT		Trọng số:	
															Thu hút các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hút các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hút các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	Cầu Cây Dương, thị trấn Bồn Dơi, huyện Đầm Dơi			C	H. Đầm Dơi	90 m	2020 - 2021	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027			14.027	14.027					13.000	13.000			10.000	10.000			Uỷ ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiền (nối dài), huyện Phú Tân			C	H. Phú Tân	Công trình giao thông cấp IV	2020-2021	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	44.350			15.000	15.000					15.000	15.000			15.000	15.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
H	VỐN CHUẨN BỊ ĐẶC TƯ												59.514	59.514			5.369	5.369	10.000	10.000			10.000	10.000			Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh UBND tỉnh nhân khai thực hiện
J	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỶ DỘNG SAU QUYẾT TOÁN												5.512	5.512			4.304	4.304	20.000	20.000			20.000	20.000			Sở Tài chính trình phân khai sử dụng
K	DỰ PHÒNG												356.734	356.734			39.314	39.314	20.824	20.824			20.824	20.824			Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai sử dụng

PHỤ LỤC IV

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ
NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục	Tổng số	Thành phố Cà Mau	Huyện Thới Bình	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	Huyện Đầm Dơi	Huyện Cái Nước	Huyện Phú Tân	Huyện Năm Căn	Huyện Ngọc Hiển
	TỔNG SỐ	399.045	125.303	40.964	28.962	48.241	44.293	30.849	21.942	32.713	25.778
A	Vốn cân đối từ nguồn thu ngân sách huyện, thành phố	132.030	76.500	10.800	4.500	12.600	12.600	7.650	3.600	2.700	1.080
B	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố	267.015	48.803	30.164	24.462	35.641	31.693	23.199	18.342	30.013	24.698
I	Hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020	17.500	15.000			2.500					
1	Hỗ trợ vốn đầu tư thảm bê tông nhựa nóng các tuyến đường trên địa bàn thành phố Cà Mau	15.000	15.000								
2	Hỗ trợ kinh phí đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng phòng làm việc, phòng khách Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Trần Văn Thời (Công văn số 4217/UBND-XD ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh)	2.500				2.500					
II	Hỗ trợ từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2020	249.515	33.803	30.164	24.462	33.141	31.693	23.199	18.342	30.013	24.698
1	Hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế	158.508	22.694	23.095	11.713	21.388	18.373	13.177	13.177	20.249	14.642

TT	Danh mục	Tổng số	Thành phố Cà Mau	Huyện Thới Bình	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	Huyện Đầm Dơi	Huyện Cái Nước	Huyện Phú Tân	Huyện Năm Căn	Huyện Ngọc Hiển
1.1	Hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế (theo Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ NS tỉnh cho các H, TP giai đoạn 2016 - 2020 tại Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 14)	133.968	22.694	16.105	11.713	16.838	15.373	13.177	13.177	10.249	14.642
1.2	Trường Tiểu học Tân Lộc, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình (Công văn số 7651/UBND-XD ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh)	6.990		6.990							
1.3	Trường Mầm non Tân Duyệt, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi (Công văn số 7205/UBND-XD ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh)	3.000					3.000				
1.4	Trường Tiểu học 1, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời (Công văn số 7650/UBND-XD ngày 16/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	4.550				4.550					
1.5	Trường Mầm non thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn (Thông báo số 768/TB-VP ngày 15/8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh)	10.000								10.000	
2	Hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực xây dựng nông thôn mới	89.807	11.109	7.069	12.749	11.753	12.120	10.022	5.165	9.764	10.056
2.1	Hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực xây dựng nông thôn mới (theo Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ NS tỉnh cho các H, TP giai đoạn 2016 - 2020 tại Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 14)	81.715	11.109	7.069	12.749	11.753	12.120	6.630	5.165	9.764	5.356
2.2	Hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng đường từ Đồn Biên phòng Rạch Gốc đầu nối đường Hồ Chí Minh, huyện Ngọc Hiển (Công văn số 7387/UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh)	4.700									4.700
2.3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường từ UBND xã Tân Hưng đến Đê Đông, huyện Cái Nước (Thông báo số 1101/TB-VP ngày 07/11/2018 của Văn phòng UBND tỉnh)	3.392						3.392			

TT	Danh mục	Tổng số	Thành phố Cà Mau	Huyện Thới Bình	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	Huyện Đầm Dơi	Huyện Cái Nước	Huyện Phú Tân	Huyện Năm Căn	Huyện Ngọc Hiển
3	Hỗ trợ đầu tư công trình thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội	1.200					1.200				
3.1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Bia Tưởng niệm 10 cán bộ và nhân dân bị Mỹ - Ngụy thảm sát tại đồng Bàu Hang, huyện Đầm Dơi giai đoạn 2 (Công văn số 945/UBND-XD ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh)	1.200					1.200				

(*) UBND các huyện, thành phố có công trình được hỗ trợ vốn trình HĐND cùng cấp bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của cấp huyện và phải phải đảm bảo thủ tục đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.